

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**
Số:172/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thạch Thành, ngày 28 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:238/2020//TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Bùi Thị Y, sinh năm: 1997

Anh Trịnh Tuấn A, sinh năm: 1987

Đều có địa chỉ: Khu 3, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Bùi Thị Y và anh Trịnh Tuấn A tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 21/11/2017 tại UBND xã T, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn này cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Chị Y và anh Tuấn A sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh, chị Y và anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên thống nhất yêu cầu TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Tuấn P – Sinh ngày 11/11/2018. Nay ly hôn hai bên thỏa thuận chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng cùng chị Y mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Tuấn A được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị Y và anh Trịnh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Chị Bùi Thị Y và anh Trịnh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Y và anh Trịnh Tuấn A thỏa thuận, anh Tuấn A là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Y và anh Trịnh Tuấn A thuận tình ly hôn.

2. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Tuấn P – Sinh ngày 11/11/2018. Nay ly hôn hai bên thỏa thuận chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Tuấn A được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Tuấn A chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh A đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0002938 ngày 19/11/2020. Anh Trịnh Tuấn A đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc